

V/v tranh chấp ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

Về nơ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi làm ăn xa nên chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt chị cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho anh Nguyễn Văn T và bà Nguyễn B nhưng anh T và bà B không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thùy Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh T có nơi cư trú tại Khóm Y, thị trấn T, huyện Z, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Q và anh T và bà Bình đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để xét xử sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T và bà Bình vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Q và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 04/02/2020 tại UBND thị trấn T. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên cha mẹ có hàn gắn nhiều lần cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải để anh chị có cơ hội gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T đều vắng mặt không lý do là không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Q được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Khả Vi – sinh ngày 03/4/2019 đang sống với anh T, chị Q cũng tự nguyện giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Vy đang sinh sống ổn định với anh T nên cần giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị Q không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Q xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu

cầu nên không xem xét là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Chị Q xác định vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Q phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị Q đã dự nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thùy Q, anh Nguyễn Văn T và bà Nguyễn B.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy Q.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khả Vi – sinh ngày 03/4/2019 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Q không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Q phải chịu 300.000 đồng. Ngày 08/02/2021 chị Q đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011484 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ, chị Q được nhận lại 300.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Chị Q, anh T và bà Bình có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Tòa án tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Thới Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thới Bình;*
- *UBND thị trấn Thới Bình.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi